

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN 30/06/2023



Tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên
Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên
Ông Đặng Văn Hoá	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trung Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Bùi Thị Ngọc Huyền.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trí Thiện

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Số: 525/2023/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 4 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của Kết luận kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 05 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Bảng cân đối kế toán đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona số tiền là 147.000.000.000 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng và cho rằng khoản đầu tư này khó có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư với số tiền là 147.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2022 Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư). Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá mức trích lập dự phòng của khoản đầu tư này có hợp lý hay không cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở của Kết luận kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Như trình bày tại Thuyết minh số 08 và số 09 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 30/06/2023, trong khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu ngắn hạn khác" trên Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm khoản cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Thiên Tân Lạc với số tiền: 163.000.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 số tiền: 163.000.000.000 đồng) và số lãi cho vay phải thu tương ứng số tiền: 10.111.780.822 đồng (tại ngày 01/01/2023 số tiền là: 7.609.643.835 đồng). Trong đó số lãi cho vay đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là 6.502.136.987 đồng và giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 là 6.466.410.958 đồng. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá giá trị hợp lý cũng như khả năng thu hồi của các khoản cho vay và lãi cho vay phải thu này. Do đó, chúng tôi không đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

Kết luận kiểm toán ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận kiểm toán ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Công ty tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tính hiệu quả cũng như khả năng hoàn vốn của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona với số tiền tại thời điểm 31/12/2022 là 147.000.000.000 đồng theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 274/BCKT/TC/NV7 ngày 31/03/2023.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 723/BCSX/TC/NV7 ngày 09/09/2022.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		295.819.553.786	282.701.844.488
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.924.219.460	12.828.301.735
Tiền	111		7.924.219.460	12.828.301.735
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		286.025.143.594	267.992.066.580
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	65.876.385.248	82.679.506.274
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.976.437.282	251.016.260
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	230.847.296.949	196.980.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	41.478.793.115	17.951.956.546
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(60.153.769.000)	(29.870.412.500)
Hàng tồn kho	140	11	612.202.345	655.362.381
Hàng tồn kho	141	11	612.202.345	655.362.381
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.257.988.387	1.226.113.792
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.007.988.387	976.113.792
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	250.000.000	250.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		268.674.581.227	574.397.818.203
Các khoản phải thu dài hạn	210	9	36.537.600	36.537.600
Phải thu dài hạn khác	216		36.537.600	36.537.600
Tài sản cố định	220	12	1.280.275.929	1.389.375.839
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.280.275.929	1.389.375.839
- Nguyên giá	222		2.181.998.182	2.181.998.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(901.722.253)	(792.622.343)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	259.294.575.626	564.642.579.464
Đầu tư vào công ty con	251		419.120.000.000	447.020.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.000.000.000	147.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		198.660.000	198.660.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(307.024.084.374)	(29.576.080.536)
Tài sản dài hạn khác	260		8.063.192.072	8.329.325.300
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.063.192.072	8.329.325.300
TỔNG TÀI SẢN	270		564.494.135.013	857.099.662.691

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		64.251.643.426	54.068.988.508
Nợ ngắn hạn	310		64.127.335.426	53.944.680.508
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.777.425.536	10.868.895.949
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	4.493.669.104	708.178.509
Phải trả người lao động	314		353.664.950	66.241.150
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		46.891.836	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	55.455.684.000	42.301.364.900
Nợ dài hạn	330		124.308.000	124.308.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	124.308.000	124.308.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		500.242.491.587	803.030.674.183
Vốn chủ sở hữu	410	18	500.242.491.587	803.030.674.183
Vốn góp của chủ sở hữu	411		792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		792.000.000.000	792.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(291.757.508.413)	11.030.674.183
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.030.674.183	44.851.893.575
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(302.788.182.596)	(33.821.219.392)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		564.494.135.013	857.099.662.691

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Bùi Thị Ngọc Huyền


Bùi Thị Ngọc Huyền


Nguyễn Trí Thiện

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	50.951.606.174	7.321.365.592
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.951.606.174	7.321.365.592
Giá vốn hàng bán	11	20	50.817.179.036	7.158.094.818
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		134.427.138	163.270.774
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	8.153.766.501	7.128.020.183
Chi phí tài chính	22	22	279.166.227.436	6.958.932.199
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.718.223.598	1.995.080.773
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	31.910.148.799	19.653.506.431
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(302.788.182.596)	(19.321.147.673)
Thu nhập khác	31		-	316.428.900
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	316.428.900
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(302.788.182.596)	(19.004.718.773)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(302.788.182.596)	(19.004.718.773)

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(302.788.182.596)	(19.004.718.773)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		109.099.910	140.089.090
Các khoản dự phòng	03		307.731.360.338	22.886.098.926
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(8.153.766.501)	(7.128.020.183)
Chi phí lãi vay	06		1.718.223.598	1.995.080.773
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.383.265.251)	(1.111.470.167)
Giảm các khoản phải thu	09		5.954.914.057	69.606.215.346
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		43.160.036	(126.696.302)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.018.556.018)	(34.612.153.831)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		266.133.228	(1.354.028.400)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.671.331.762)	(2.056.648.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		191.054.290	30.345.218.377
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.000.000.000)	(41.181.800.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.132.703.051	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.617.841.284	5.451.262.620
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.249.455.665)	(35.730.537.380)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		55.293.900.000	22.379.999.100
Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.139.580.900)	(30.554.212.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.154.319.100	(8.174.212.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.904.082.275)	(13.559.531.903)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	12.828.301.735	20.625.284.136
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	7.924.219.460	7.065.752.233

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0105806767 ngày 15 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 792.000.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi hai tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 08, Toà nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 12 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thiết bị điện tử, phân bón, vật liệu xây dựng và các mặt hàng từ tre.

1.3 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty tập trung vào hoạt động thương mại hàng hóa (chủ yếu là các mặt hàng điện tử, phân bón, vật liệu xây dựng và các mặt hàng từ tre) để tạo lợi nhuận đủ bù đắp chi phí vận hành Công ty. Trong năm, Công ty đã ghi nhận doanh thu bán hàng hóa với số tiền là: 50.951.606.174 đồng với giá vốn tương ứng số tiền là: 50.817.179.036 đồng đem lại lợi nhuận gộp cho Công ty số tiền là: 134.427.138 đồng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Hoà Bình	96,54%	96,54%	Sản xuất các sản phẩm từ tre, trồng rừng và chăm sóc rừng.
Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	Hà Nội	93%	93%	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp.

Công ty có công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona	Hà Nội	49%	49%	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng được chia từ lợi nhuận lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước đây. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

3.6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6. HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: khoản phải trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng..

3.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, gồm: Lãi trái phiếu phải trả và chi phí lãi vay ngân hàng
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty.

- Quỹ khen thưởng phúc, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.14. DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14. DOANH THU

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

3.15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	3.819.143.711	588.583.073
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.105.075.749	12.239.718.662
Cộng	7.924.219.460	12.828.301.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Tỷ lệ quyền	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Tỷ lệ quyền
	VND	VND	hợp lý (*) VND	biểu quyết %	VND	VND	hợp lý (*) VND	biểu quyết %
Đầu tư vào công ty con	419.120.000.000	(159.825.424.374)	(*)		447.020.000.000	(29.576.080.536)	(*)	
- Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	270.320.000.000	(68.398.913.781)	(*)	96,54%	270.320.000.000	(29.576.080.536)	(*)	96,54%
- Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt Nam (1)	-	-	(*)	0%	19.900.000.000	-	(*)	99,5%
- Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam (2)	148.800.000.000	(91.426.510.593)	(*)	93%	156.800.000.000	-	(*)	98%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%	147.000.000.000	-	(*)	49%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona (3)	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(*)	49%	147.000.000.000	-	(*)	49%
Đầu tư vào đơn vị khác	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%	198.660.000	-	(*)	16%
- Công ty Cổ phần Jarcel Việt Nam (3)	198.660.000	(198.660.000)	(*)	16%	198.660.000	-	(*)	16%
Cộng	566.318.660.000	(307.024.084.374)	(*)		594.218.660.000	(29.576.080.536)	(*)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Thoái vốn theo Nghị quyết số 02/2023/NQHĐQT-SJF ngày 21/03/2023 V/v Thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt Nam.

(2) Thoái vốn theo Nghị quyết số 03/2023/NQHĐQT-SJF ngày 21/03/2023 V/v Thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam.

(3) Tại thời điểm lập báo cáo này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona và Công ty Cổ phần Jarcel Việt Nam đang khó khăn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hồi của khoản đầu tư trong tương lai và chưa biết thời gian nào tình hình kinh doanh và tình hình tài chính sẽ được cải thiện. Để thận trọng, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	(59.740.825.000)	59.740.825.000	(29.870.412.500)
- Công ty Cổ phần Ademax	-	-	15.380.959.300	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hafa	5.833.050.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần HAWINCO Phúc Minh	148.980.053	-	7.402.280.047	-
- Phải thu khách hàng khác	153.530.195	-	155.441.927	-
Cộng	65.876.385.248	(59.740.825.000)	82.679.506.274	(29.870.412.500)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hafa	7.200.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam VCC	315.203.350	-	-	-
- Văn phòng bán vé Hãng hàng không Quata Ariway Group	193.737.672	-	-	-
- Công ty TNHH Cơ điện ABBS Việt Nam	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	217.496.260	-	201.016.260	-
Cộng	7.976.437.282	(50.000.000)	251.016.260	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	230.847.296.949	-	196.980.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (1)	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt (2)	12.267.296.949	-	25.400.000.000	-
- Bà Khả Thị Thảo (3)	55.580.000.000	-	8.580.000.000	-
Cộng	230.847.296.949	-	196.980.000.000	-

- (1) Cho vay theo Hợp đồng số 01/HĐV/STD-CTT ngày 16/12/2021 và Phụ lục số 01 ký ngày 16/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm, không có tài sản đảm bảo. Bên A có quyền hoán đổi số tiền cho vay thành vốn góp vào bên B trong trường hợp bên vay tăng vốn điều lệ. Khoản vay được thông qua Nghị quyết HĐQT số 12/2021/NQHĐQT/SJF ngày 15/12/2021. Và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/SJF-CTT ngày 01/01/2023 về thời gian gia hạn vay thêm của Hợp đồng 01/HĐV/STD-CTT ngày 16/12/2021 là 02 năm (kể từ ngày 17/12/2022 đến ngày 31/12/2023).
- (2) Cho vay theo Hợp đồng số 0105/HĐV/SJF-BMV ngày 01/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm, không có tài sản đảm bảo. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, khoản cho vay đã được thu hồi toàn bộ.
- (3) Cho vay theo Hợp đồng số 09/2022/STD.HN ngày 01/09/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và bà Khả Thị Thảo (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 7%/năm, không có tài sản đảm bảo. Và cho vay theo Hợp đồng số 02/2023/STD.CN ngày 31/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và bà Khả Thị Thảo (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 7%/năm, không có tài sản đảm bảo. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, khoản cho vay đã được thu hồi toàn bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	41.478.793.115	(362.944.000)	17.951.956.546	-
- Tạm ứng (3)	12.010.647.290	-	8.896.537.290	-
- Phải thu khác	29.468.145.825	(362.944.000)	9.055.419.256	-
+ Lãi tiền gửi, cho vay (*)	11.169.156.713	-	8.633.231.496	-
+ Bà Nguyễn Thị Tuyên (1)	12.900.000.000	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Phương (2)	5.000.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	398.989.112	(362.944.000)	422.187.760	-
b) Dài hạn	36.537.600	-	36.537.600	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	36.537.600	-	36.537.600	-
Cộng	41.515.330.715	(362.944.000)	17.988.494.146	-

(*) Trong đó lãi cho vay của Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc tại 30/06/2023 là 10.111.780.822 đồng (tại 01/01/2023 là 7.609.643.835 đồng).

(1) Chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 24.3/2023/HĐCN-SJF-NTH ngày 24/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Nguyễn Thị Tuyên. Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt Nam, số lượng cổ phần giao dịch: 1.990.000 cổ phần. Giá chuyển nhượng: 10.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị hợp đồng: 19.900.000.000 đồng. Tới thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu đầy đủ số tiền trên.

(2) Chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2023/HĐCN-SJF-KTH ngày 25/03/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và Bà Nguyễn Thị Thu Phương. Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam, số lượng cổ phần giao dịch: 800.000 cổ phần. Giá chuyển nhượng: 10.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị hợp đồng: 8.000.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thu đầy đủ số tiền trên.

(3) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các khoản tạm ứng này đã được thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. NỢ XẤU

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	-	(59.740.825.000)	59.740.825.000	29.870.412.500	(29.870.412.500)
- Công ty TNHH Cơ điện ABBS Việt Nam	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	50.000.000	-
- Các đối tượng khác	362.944.000	-	(362.944.000)	362.944.000	362.944.000	-
Cộng	60.153.769.000	-	(60.153.769.000)	60.153.769.000	30.283.356.500	(29.870.412.500)

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hóa	612.202.345	-	655.362.381	-
Cộng	612.202.345	-	655.362.381	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	2.181.998.182	2.181.998.182
- Mua trong kỳ	-	-
30/06/2023	<u>2.181.998.182</u>	<u>2.181.998.182</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2023	(792.622.343)	(792.622.343)
- Khấu hao trong kỳ	(109.099.910)	(109.099.910)
30/06/2023	<u>(901.722.253)</u>	<u>(901.722.253)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	<u>1.389.375.839</u>	<u>1.389.375.839</u>
30/06/2023	<u>1.280.275.929</u>	<u>1.280.275.929</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 1.280.275.929 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 1.389.375.839 đồng)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2023 <u>VND</u>	01/01/2023 <u>VND</u>
- Chi phí thuê văn phòng	8.063.192.072	8.329.325.300
Cộng	<u>8.063.192.072</u>	<u>8.329.325.300</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.777.425.536	3.777.425.536	10.868.895.949	10.868.895.949
- Công ty Cổ phần Giải pháp Collab	1.464.862.800	1.464.862.800	3.093.011.900	3.093.011.900
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư CDM	905.309.300	905.309.300	905.309.300	905.309.300
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Lander	500.000.000	500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình	-	-	6.582.754.985	6.582.754.985
- Các đối tượng khác	907.253.436	907.253.436	287.819.764	287.819.764
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.777.425.536	3.777.425.536	10.868.895.949	10.868.895.949

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.493.669.104	4.493.669.104	708.178.509	708.178.509
- Công ty Cổ phần Ademax	3.780.758.050	3.780.758.050	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Đầu tư và Thương mại Tường Minh	699.598.500	699.598.500	699.598.500	699.598.500
- Khách hàng khác	13.312.554	13.312.554	8.580.009	8.580.009
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.493.669.104	4.493.669.104	708.178.509	708.178.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	534.640.618	534.640.618	-
- Các loại thuế khác	-	531.640.618	531.640.618	-
	-	3.000.000	3.000.000	-
	-	534.640.618	534.640.618	-
	01/01/2023	Số phải thu/thực nộp trong kỳ	Số đã thực thu/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.000.000	-	-	250.000.000
	250.000.000	-	-	250.000.000
	250.000.000	-	-	250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	55.455.684.000	55.455.684.000	55.293.900.000	42.139.580.900	42.301.364.900	42.301.364.900
- Vay ngắn hạn	55.293.900.000	55.293.900.000	55.293.900.000	41.977.796.900	41.977.796.900	41.977.796.900
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Thủ đô (1)	41.922.400.000	41.922.400.000	41.922.400.000	41.977.796.900	41.977.796.900	41.977.796.900
+ Thụy Sĩ StaBOO Holding AG (4)	13.371.500.000	13.371.500.000	13.371.500.000	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	161.784.000	161.784.000	-	161.784.000	323.568.000	323.568.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	112.500.000	112.500.000	-	112.500.000	225.000.000	225.000.000
+ Ngân hàng PGBank - Hà Nội Phòng giao dịch Trương Định (3)	49.284.000	49.284.000	-	49.284.000	98.568.000	98.568.000
Vay dài hạn	124.308.000	124.308.000	-	-	124.308.000	124.308.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	75.000.000	75.000.000	-	-	75.000.000	75.000.000
+ Ngân hàng PGBank - Hà Nội Phòng giao dịch Trương Định (3)	49.308.000	49.308.000	-	-	49.308.000	49.308.000
Cộng	55.579.992.000	55.579.992.000	55.293.900.000	42.139.580.900	42.425.672.900	42.425.672.900

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1483-LAV ký ngày 29/12/2022. Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ, tối đa không vượt quá 6 tháng. Văn bản sửa đổi, bổ sung lần 1 số 1/1483LAV202200972/VBSĐ ngày 05/04/2023 theo đó tài sản đảm bảo bao gồm: 4.004.766 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà chủ sở hữu là Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc có tổng giá trị: 24.028.596.000 đồng; Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 674598, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00192 do Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 4 năm 2016 có tổng giá trị: 21.948.000.000 đồng. Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6152035/HĐTD ngày 28/04/2020; Số tiền vay: 900.000.000 VNĐ. Mục đích vay: thanh toán tiền mua ô tô Vinfast LUX SA 2.0; Thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast LUX SA2.0, biển kiểm soát 30G-293.28.

(3) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 109.1029/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 20/06/2017. Hạn mức vay: 690.000.000 VNĐ; thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất: 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Mục đích vay: Thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Colorado 2.8 LTZ MY17. Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm của xe ô tô tải Pick up cabin kép màu đen, nhãn hiệu Chevrolet biển kiểm soát: 29C-767.73.

(4) Khoản vay doanh nghiệp Thụy Sĩ staBOO Holding AG theo hợp đồng vay số 01/SB-SJF ngày 17/04/2023 số tiền 500.000 CHF (Năm trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 15/12/2023. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2022	792.000.000.000	44.851.893.575	836.851.893.575
- Lỗ trong năm trước	-	(33.821.219.392)	(33.821.219.392)
31/12/2022	792.000.000.000	11.030.674.183	803.030.674.183
01/01/2023	792.000.000.000	11.030.674.183	803.030.674.183
- Lỗ trong kỳ này	-	(302.788.182.596)	(302.788.182.596)
30/06/2023	792.000.000.000	(291.757.508.413)	500.242.491.587

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
- Ông Đỗ Cần	70.700.800.000	8,93%	70.700.800.000	8,93%
- Vốn góp các cổ đông khác	21.299.200.000	91,07%	721.299.200.000	91,07%
Cộng	92.000.000.000	100%	792.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	792.000.000.000	792.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79.200.000	79.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.200.000	79.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Doanh thu bán hàng hoá	50.951.606.174	7.321.365.592
Cộng	50.951.606.174	7.321.365.592

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Giá vốn bán hàng hoá	50.817.179.036	7.158.094.818
Cộng	50.817.179.036	7.158.094.818

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lãi cho vay	8.153.766.501	7.128.020.183
Cộng	8.153.766.501	7.128.020.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.718.223.598	1.995.080.773
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	277.448.003.838	4.963.851.426
Cộng	279.166.227.436	6.958.932.199

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	519.912.000	618.927.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.099.910	140.089.090
- Dự phòng phải thu khó đòi	30.283.356.500	17.922.247.500
- Chi phí bằng tiền khác	997.780.389	972.242.841
Cộng	31.910.148.799	19.653.506.431

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí nhân công	519.912.000	618.927.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.099.910	140.089.090
- Dự phòng phải thu khó đòi	30.283.356.500	17.922.247.500
- Chi phí bằng tiền khác	997.780.389	972.242.841
Cộng	31.910.148.799	19.653.506.431

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(302.788.182.596)	(19.004.718.773)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	39.817.000
- Chi phí không hợp lý	-	39.817.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(302.788.182.596)	(18.964.901.773)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 – Lợi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lợi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

27. THÔNG TIN KHÁC

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Công ty con
Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Cán bộ chủ chốt

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Mua hàng bên liên quan		
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	19.800.000	398.552.132
Cộng	19.800.000	398.552.132

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	10.342.132	28.562.132
Cộng	10.342.132	28.562.132

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch HĐQT	60.102.000	65.790.000
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Tổng giám đốc	-	63.200.000
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc	58.200.000	58.122.500
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng giám đốc	-	55.812.500
Cộng		118.302.000	242.925.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiệu

VIỆN UHY